TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 18/3/2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** ông Đinh Trần Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST – DS ngày 23/4/2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST- DS ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Cao Quang B

Địa chỉ: thôn 1 L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Ông Cao Tư D; địa chỉ: thôn 1 L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 3 năm 2019). Có mặt.

2. Bị đơn: ông Cao Thanh T.

Địa chỉ: thôn 1 L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Đinh Hữu Đ – Văn phòng luật sư Yên Minh thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ông Đinh Minh T – Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020). Có mặt.

- UBND xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ông Cao Thanh Tr – cán bộ địa chính là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020). Có mặt.

- Ông Cao Văn K

Địa chỉ: thôn 1 L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Những người làm chứng:

- Hạt QL & SC Trung Hóa thuộc công ty QL & SC đường bộ 496

Địa chỉ: xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện ngày 07/3/2019 của ông Cao Quang B và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà người đại diện của nguyên đơn ông Cao Tư D trình bày:

Năm 1976, nhà nước có chủ trương phát động xây dựng khu dân sinh tại khu vực thôn 1 Liêm Hóa, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Hưởng ứng chủ trương này ông Cao Văn K đã đến khai hoang phục hóa để làm ăn sinh sống với diện tích khoảng 418,214 m^2 . Năm 1993, ông K đã chuyển gia đình vào Miền Nam làm ăn sinh sống nên đã bán lại toàn bộ diện tích đất đai và một căn nhà gỗ lớp lá 03 gian với giá 3.000.000 đ cho ông Cao Quang B việc giao nhận chỉ bằng miệng chứ không có giấy tờ gì. Năm 2004, ông Cao Thanh T con trai ông Cao Xuân K đi Miền Nam quay trở về nhưng không có đất ở nên có xin ông B một mảnh đất có diện tích dài 5 m^2 x dài 05 m^2 để làm quán ở tạm, ông B đồng ý cho nhưng không ngờ sau này ông T đã xây thành nhà ở kiên cố rồi lấn dần mở rộng ra phía sau và xây thành Ki ốt cho anh Cao Xuân T1 và anh Đinh Xuân T thuê lại kinh doanh với diện tích 704 m^2 . Trước đây ông B và ông K có làm hợp đồng mua bán nhà đất vào ngày 19/4/1993 nên đất này thuộc đất của ông Cao Quang B. Trước việc làm sai trái của anh T, ông B đã làm đơn đề nghị UBND xã Trung Hóa giải quyết nhưng không thành

nên ông đã làm đơn ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Thanh T phải trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm là 704,14 m^2 và giải tỏa toàn bộ tài sản có trên đất để trả lại đất cho ông B.

Bị đơn ông Cao Thanh T trình bày: ông và ông B có quan hệ là Cậu và Cháu, đất mà ông đang sinh sống là đất của UBND xã Trung Hóa, ông Cao Quang B trồng sắn lên đó chứ không phải đất thổ cư mà ông B có. Năm 2005, ông B cho ông T vào sinh sống và ông T có đền bù cho ông B số tiền 1.200.000 đ là tiền trồng Sắn của ông B, ông B và ông T chỉ thỏa thuận bằng miệng không có hợp đồng. Trên đất mà ông B đòi lại thì có 01 ngôi nhà cấp 4, đất của ông T chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất này thuộc hành lang an toàn giao thông. Việc ông B khởi kiện ông T thì ông T không đồng ý vì ông B không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất ông T đang sinh sống thuộc hành lang an toàn giao thông.

Người có quyền lợi liên quan ông Cao Văn K: Ông K có khai hoang 01 vùng đất tại thôn 1 Liêm Hóa, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Năm 1993, ông và gia đình vào Miền Nam làm ăn, đêm hôm đó thì ông B xuống để hỏi mua nhà, ông K có bán lại cho ông Cao Quang B 01 ngôi nhà với trị giá 3.000.000 đ nhưng không bán đất cho ông B, ông còn nhớ rõ là ông B đưa cho ông số tiền 3.000.000 đ, ông đưa lại cho ông B 50.000đ, hai bên không có một giấy tờ gì về mua bán nhà. Sau khi ông B mua nhà thì ở luôn trên đất của ông K khoảng 1,2 Sào. Việc ông B cung cấp giấy mua bán nhà lập năm 1993 là giả mạo, ông B đã tự viết giấy và giả mạo chữ ký của ông để làm khống giấy tờ. Ông K khẳng định ông không ký vào giấy mua bán nhà đất mà ông B cung cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Minh T trình bày: 02 thửa đất đang tranh chấp giữa ông Cao Quang B và ông Cao Thanh T là đất thuộc UBND xã Trung Hóa quản lý và tạm giao cho ông T quản lý, đất này là đất sản xuất kinh doanh. 02 thửa đất này có một phần vi phạm hành lang an toàn giao thông. Quá trình ông T sử dụng đất này và có xây dựng công trình kiên cố nhưng không bị UBND xã Trung Hóa xử lý về hành vi này, UBND huyện Minh Hóa cũng không xử lý hành vi xây dựng công trình kiên cố trên đất của ông T. Nếu trên đất sản xuất kinh doanh mà không bị ai xử lý thì phải bảo vệ quyền lợi cho người dân trên đất đó. Đối với hợp đồng mua bán nhà đất lập ngày 19/4/1993 giữa ông B và ông K mặc dù không được UBND xã Trung Hóa chứng thực nhưng theo quy định tại quyết định 201-CP ngày 01/7/1980 của Chính phủ thì tại thời điểm đó hợp đồng đó vẫn có hiệu lực. Ông Cao Quang B sau khi có đất đã không sử dụng đất từ năm 1993 đến 2004 thì đã vi phạm các quy định tại Luật đất đai năm 1993, 2003 nên ông Cao Quang B bị nhà nước thu hồi đất là có căn cứ. Việc ông B khởi kiện để đòi lại đất là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh Tr trình bày: 02 thửa đất tranh chấp giữa ông Cao Quang B và ông Cao Thanh T hiện tại do UBND xã Trung Hóa quản lý, tạm giao cho ông T sử dụng. Hai thửa đất này có một phần diện tích vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ. Từ năm 2002 đến 2008, UBND xã Trung Hóa đã tiến hành đo đạc và cấp đất cho các hộ gia đình trong đó có hộ gia đình ông B, ông T, ông B đã được UBND huyện Minh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí khác không phải vị trí đất tranh chấp. Việc ông T xây dựng công trình kiên cố trên đất thuộc UBND xã quản lý thì UBND xã chưa có quyết định xử lý hành chính. Mặc dù ông T sử dụng đất với mục đích sản xuất kinh doanh nhưng giữa ông T và UBND xã chưa có văn bản nào cam kết cho ông T xây dựng các công trình kiên cố trên đó để kinh doanh.

Qua xác minh tại UBND xã Trung Hóa được biết ông Cao Quang B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 18 thửa đất số 199 có diện tích 2644 m^2 và thửa đất số 134, tờ bản đồ số 18 có diện tích 334 m^2.

Ông Cao Thanh T đang sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 434 m^2 và thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18 có diện tích 539 m^2, đất này thuộc UBND xã Trung Hóa quản lý.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau: thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 434 m^2 và thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18 có diện tích 539 m^2, đất này thuộc UBND xã Trung Hóa quản lý. Trên thửa đất 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 434 m^2, ông T đã lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ là 399, 20 m^2; trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18 có diện tích 539 m^2 ông T lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ là 199,41 m^2. Trên thửa đất số 155 có một ngôi nhà bằng tôn sắt; trên thửa đất số 144 có 01 nhà ở cấp 4, 02 ki ốt cấp 4 mái tôn sắt, 01 mái che bằng tôn sắt, cột bằng bê tông.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ông Cao Tư D đã yêu cầu ông Cao Thanh T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể: Trên thửa đất 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 434 m^2, yêu cầu ông T trả lại diện tích đã lấn chiếm là 399, 20 m^2, trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18 có diện tích 539 m^2 yêu cầu ông T trả lại diện tích lấn chiếm là 199,41 m^2 cho ông Cao Quang B.

Ngày 30/7/2019, ông Cao Tư D có làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông Cao Văn K trong giấy mua bán nhà đất ngày 19/4/1993.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của ông Cao Văn K, ngoài trưng cầu giám định chữ ký thì Tòa án còn làm công văn yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình trả lời có giám định tuổi mực trong giấy mua bán

nhà đất được không. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình: chữ ký đứng tên Cao Văn Kiếu dưới mục: " Người bán" trên mẫu cần giám ký hiệu A1; " người làm chứng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký đứng tên Cao Văn Kiếu trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cũng một người ký ra. Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình không giám định được tuổi mực trong các văn bản được yêu cầu giám định.

Tại phiên toà:

- ông Cao Tư D vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu ông T trả lại diện tích đã lấn chiếm theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và giải tỏa các tài sản trên diện tích đã lấn chiếm.

- ông Đinh Hữu Đ: Năm 2005 ông T có mua lại đất của ông B để làm nhà ở. Hợp đồng mua bán nhà đất ngày 19/4/1993 được ký kết bởi ông B và ông K có giá trị pháp lý. Với hai lý do đó nên đề nghị Hội đồng xét xử nghiên cứu có một bản án đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho nguyên đơn.

- ông Cao Thanh T không chấp nhận ý kiến của ông D và ông Đ vì ông không phải mua bán đất với ông B, ông chỉ đền bù lại số cây Sắn mà ông B đã trồng trên đất, đất của ông thuộc đất hành lang an toàn giao thông nên ông D không có quyền đòi lại đất này.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 73, 164, 186, 189 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: áp dụng Điều 147, 157 Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 139 Bộ luật dân sự năm 1995 đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cao Quang B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm đất của gia đình nên yêu cầu bị đơn trả lại đất, từ yêu cầu của nguyên đơn xác định đây là tranh

chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của TAND huyện Minh Hoá theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nguồn gốc của thửa đất tranh chấp: căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà xác định: đất tranh chấp hiện tại ông Cao Thanh T đang sử dụng thuộc tờ bản đồ số 18 gồm có hai thửa đất là 155 và thửa đất số 144 do UBND xã Trung Hóa quản lý, tạm giao cho ông T sử dụng.

[3]. Việc ông D đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị ông Cao Thanh T phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Xét thấy, đây là yêu cầu hoàn toàn tự nguyện của đại diện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện cần chấp nhận.

[4]. Ông Cao Tư D không có chứng cứ chứng minh được thửa đất của ông T đang sử dụng là đất của ông Cao Quang B. Ông D có trình bày đất này của ông Cao Quang B mua lại của ông Cao Văn K vào năm 1993 và trình hợp đồng mua bán nhà đất năm 1993 để chứng minh đó là đất của ông B, để chắc chắn rằng hợp đồng mua bán nhà đất năm 1993 là có căn cứ ông D đã đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của ông Cao Văn K trong hợp đồng mua bán nhà đất. Hội đồng xét xử nhận định như sau: quá trình hòa giải tại Tòa án ông Cao Văn K trình bày chữ ký trong giấy mua bán nhà đất không phải của ông ký, ông B đã làm giả giấy tờ mua bán nhà đất, tuy nhiên kết quả giám định chữ ký kết luận chữ ký trong giấy mua bán nhà đất là của ông Cao Văn K. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình cũng có công văn trả lời TAND huyện Minh Hóa về việc không giám định được tuổi mực trong giấy mua bán nhà đất năm 1993. Qua xem xét giấy tờ mua bán nhà đất được lập giữa ông Cao Văn K và ông Cao Quang B, hội đồng xét xử thấy mặc dù giấy tờ được lập từ ngày 19/4/1993 tuy nhiện nội dung của giấy tờ mua bán không trùng khớp với thời điểm lập giấy tờ mua bán nhà đất cụ thể họ và tên người bán là ông Cao Văn K, sinh năm 1938, có số chứng minh nhân dân số 194005114 cấp ngày 05/02/2010 tại công an tỉnh Quảng Bình và họ và tên người mua là ông Cao Quang B, sinh năm 1940 có số chứng minh nhân dân là 194524174 cấp ngày 05/02/2010 tại Công an tỉnh Quảng Bình là không đúng thực tế lý do người bán và người mua sinh năm 1938 và 1940 làm hợp đồng năm 1993 không thể biết thời điểm năm 2010 mình được cấp giấy chứng minh nhân dân và có số chứng minh nhân dân cụ thể; hợp đồng được ký với tên Cao Văn K nhưng nội dung của hợp đồng lại ghi tên người bán Cao Xuân K. Ông Cao Văn K trình bày ông B làm giả giấy tờ mua bán là có căn cứ.

[5]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán nhà đất năm 1993 có hiệu lực của ông D và người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Văn K và ông Cao Quang B được thực hiện từ ngày 19/4/1993 đúng quy định của pháp luật và chữ ký trong giấy đó là chữ ký của ông Cao Văn K nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: ngoài việc ông K không thừa nhận việc mình ký vào giấy mua bán nhà đất năm 1993 thì giấy mua bán nhà đất này không được cấp có thẩm quyền công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 131, Điều 133, Điều 136, Điều 139, Điều 691, khoản 3 Điều 693 và Điều 696 của Bộ luật dân sự năm 1995; điểm a khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003. Tại điểm a, mục 2.2 phần II, nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tại thời điểm ký hợp đồng ngày 19/4/1993 thì pháp luật nghiêm cấm mua, bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai được xác lập trong thời điểm từ ngày 01/7/1980 đến trước ngày 15/10/1993 là hợp đồng trái pháp luật; ngoài việc cấm mua, bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thời điểm đó ông Cao Văn K cũng không có giấy tờ gì chứng minh đất bán cho ông Cao Quang B là đất của mình và UBND xã Trung Hóa cũng không xác nhận là đã sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 theo điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về tuyên bố hợp đồng mua bán nhà đất có hiệu lực của nguyên đơn.

[6]. Ông Cao Văn K quá trình sử dụng đất đã không sử dụng đất liên tục từ năm 1993 vi phạm khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993, khoản 11 Điều 38 Luật đất đai năm 2003 nên bị nhà nước thu hồi là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại thuộc hành lang giao thông đường bộ được quản lý bởi UBND xã Trung Hòa và Hạt QL & SC Trung Hóa, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả lại diện tích đất đều thuộc hành lang quản lý giao thông đường bộ, UBND xã Trung Hóa, UBND huyện Minh Hóa đều xác định đất mà ông Trung đang sử dụng vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, Hạt QL & SC Trung Hóa cũng đã có biên bản về việc vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ của ông Cao Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 399, 20 m^2 trên thửa đất 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 434 m^2 và trả lại diện tích đất 199,41 m^2 trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18 có diện tích 539 m^2 nhưng diện tích đất mà nguyên đơn yêu cầu trả lại đã nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ nên yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận.

[8]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[9]. Chấp nhận đề nghị của vị đại diện VKSND huyện Minh Hóa về nội dung vụ án.

[10]. Về chi phí tố tụng: chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định ông Cao Quang B phải chịu 1.000.000 đ theo quy định của pháp luật. Chi phí trưng cầu giám định chữ ký ông Cao Quang B phải chịu số tiền 6.800.000 đ.

[11]. Về án phí: ông Cao Quang B phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm.

[12]. Ông Cao Thanh T đang sử dụng đất của UBND xã Trung Hóa, quá trình sử dụng đất ông Trung đã xây dựng nhà cửa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ không được sự đồng ý của UBND xã Trung Hóa. UBND huyện Minh Hóa, UBND xã Trung Hóa, không có biện pháp xử lý hành vi vi phạm trên của ông Cao Thanh T là không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo an toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ. Đề nghị UBND huyện Minh Hóa, UBND xã Trung Hóa có biện pháp xử lý về việc ông Cao Thanh T xây dựng công trình trái phép trên hành lang an toàn giao thông đường bộ căn cứ vào Khoản 1 điều 206 Luật đất đai 2013; Khoản 4 điều 10 nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Điều 12 nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ; Khoản 7 và 8 Điều 13, Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 157, 165, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 131, Điều 133, Điều 136, Điều 139, Điều 691, khoản 3 Điều 693 và Điều 696 của Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993; khoản 11 Điều 38, Điều 50, điểm a khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003; nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Quang B.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền 1.000.000 đ nguyên đơn ông Cao Quang B phải chịu toàn bộ. Chi phí trưng cầu giám định chữ ký ông Cao Quang B phải chịu số tiền 6.800.000 đ.

3. Về án phí: ông Cao Quang B phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đ tại biên lai số 0004152 ngày 13/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/03/2020).

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung

Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh